

Số *47*/2020/BC-MASHCM
V/v công bố thông tin điện tử Báo cáo
thường niên 2019

TP. HCM, ngày *13* tháng 4 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: 3C Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Người thực hiện công bố thông tin: Kang Moon Kyung – Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: 3C Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên 2019;

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/4/2020 tại đường dẫn như sau:

<https://masvn.com/home/investorRelations/information.do>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Thay mặt Công ty TNHH Chứng khoán
Mirae Asset (Việt Nam)
Tổng Giám Đốc

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên 2019





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019 2019 ANNUAL REPORT

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
MIRAE ASSET SECURITIES (VIETNAM) LLC

On 27 February 2009, State Securities Commission issued the Decision No.: 109/QD-UBCK approving the establishment of the Company Branch in Hanoi.

Name of the Branch: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset – Chi Nhánh Hà Nội.

Address of branch: 8th Floor, Room 810, Daeha Commercial Centre, 360 Kim Ma street, Ba Dinh district, Hanoi City.

Head of branch: Mr. Kang Moon Kyung.

- Thành viên lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (“**TTLKCK**”) theo Quyết định số 82/GCNTVLK ngày 10/1/2008 của TTLKCK.

*Custody member at Vietnam Securities Depository (“**VSD**”) pursuant to Decision No. 82/GCNTVLK dated 10 January 2008 of VSD.*

- Thành viên giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hà Nội theo Quyết định số 98/QD-TTGDHN ngày 14/3/2008 của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Member of Hanoi Stock Exchange pursuant to the Decision No. 98/QD-TTGDHN dated 14 March 2008 of Hanoi Stock Exchange.

- Thành viên giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM theo Quyết định số 77/QD-SGDHCM ngày 19/3/2008 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh.

Member of Ho Chi Minh Stock Exchange pursuant to the Decision No 77/QD-SGDHCM dated 19 March 2008 of Ho Chi Minh Stock Exchange.

- Thành viên đấu thầu tại SGDCK Tp. Hà Nội theo Giấy chứng nhận ngày 19/3/2008.

Bidding member of tại Hanoi Stock Exchange pursuant to the Certificate dated 19 March 2008.

- Ngày 10/7/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 411/QD-UBCK chấp thuận việc đổi tên và người đứng đầu Chi nhánh.

Tên Chi nhánh: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) – Chi Nhánh Hà Nội.

Người đứng đầu Chi nhánh: Nguyễn Hoàng Yến.

On 10 July 2009, State Securities Commission issued the Decision No.: 411/QD-UBCK approving the change of name and head of Branch.

Name of Branch: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) – Chi Nhánh Hà Nội.

Head of Branch: Nguyễn Hoàng Yến.

- Ngày 28/1/2010, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số 65/QD-UBCK chấp thuận việc thay đổi địa điểm trụ sở Chi nhánh tại Hà Nội.

Địa chỉ Chi nhánh: Tầng 4, Tòa nhà số 27 phố Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

On 8 February 2017, the Company has been approved to change its name into Mirae Asset (Vietnam) LLC.

- Ngày 15/06/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng Việt Nam.

On 15 June 2017, SSC approved the increase of charter capital of the Company to 2,000bil VND.

- Ngày 20/10/2017, Công ty được chấp thuận đổi trụ sở chính đến Tầng 07, tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM

On 20 October 2017, the Company has been approved to change its head office location to 07th Floor, Le Meridien building, 3C Ton Duc Thang, Ben Nghe ward, District 01, HCMC

- Ngày 11/01/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh TPHCM tại tầng 07, 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM

On 11 January 2018, SSC issued licence for establishment of HCMC Branch at 07th Floor, 91 Pasteur, Ben Nghe ward, District 01, HCMC

- Ngày 10/09/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được tăng vốn điều lệ lên 4.300 tỷ đồng Việt Nam.

On 10th September 2018, SSC approved the increase of charter capital of the Company to 4,300 bil VND.

- Ngày 17/9/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh.

On 17 September 2018, SSC issued certificate for enough conditions for Derivative trading business.

- Ngày 31/10/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Vũng Tàu tại 102A Le Hồng Phong, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

On 31 October 2018, SSC issued licence for establishment of Vung Tau Branch at 102A Le Hong Phong. Ward 4, Vung Tau city, Ba Ria- Vung Tau Province.

Ngày 08/11/2018 Công ty được Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận là thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh.

On 08 November 2018 the Company has been approved to be member of Derivative trading market by Ha Noi stock exchange.

- Ngày 03/12/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Thăng Long tại Tòa nhà Gelex, 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

On 03 December 2018, SSC issued licence for establishment of Thang Long Branch at Gelex Building, 52 Le Dai Hanh street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi city.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Business line and business location*

- Công ty có trụ sở chính tại Số 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và 07 Chi nhánh: (i) Chi nhánh Hà Nội tại Tầng 3, Tòa nhà HCO, 44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; (ii) Chi nhánh TP.HCM tại tầng 07 tòa nhà Saigon Royal, 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM; (iii) Chi nhánh Vũng Tàu tại 102A Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (iv) Chi nhánh Đà Nẵng tại Tòa nhà Vĩnh Trung plaza, 255-257 Hùng Vương, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; và (v) chi nhánh Thăng Long tại Tòa nhà Gelex, 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; (vi) Chi nhánh Cần Thơ tại Tầng 05 tòa nhà VCCI, số 12 đường Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; (vii) chi nhánh Sài Gòn tại tầng 16 Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được thực hiện đầy đủ 4 nghiệp vụ sau đây:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

The Company located at No. 3C Ton Duc Thang, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh City and 07 Branches: (i) Hanoi branch at 3rd Floor, HCO Building 44B Ly Thuong Kiet street, Hoan Kiem district, Hanoi and (ii) HCMC Branch at 7th Floor, Saigon Royal Building, 91 Pasteur, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh City; (iii) Vung Tau Branch at 102A Le Hong Phong, Ward 4, Vung Tau city, Ba Ria- Vung Tau Province; (iv) Da Nang Branch at Vinh Trung Plaza Building, 255-257 Hung Vuong, Vinh Trung ward, Thanh Khe District, Da Nang city; and (v) Thang Long Branch at Gelex Building, 52 Le Dai Hanh street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi city; (vi) Can Tho Branch at 5th floor VCCI building, No.12 Hoa Binh street, An Binh ward, Ninh Kieu District, Can Tho city; (vii) Sai Gon Branch at 16th Green Power building, No.35 Ton Duc Thang street, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh city. The Company is permitted to engage in the following business line:

- *Securities brokerage;*
- *Securities self-trading;*
- *Underwriting issues of securities;*
- *Securities investment consultancy.*

- Hiện nay Công ty chủ yếu thực hiện các nghiệp vụ chính là Môi giới chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Tự doanh chứng khoán.

The Company now mainly engages in Securities brokerage, Securities investment consultancy and securities self-trading.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý *Information on management and organisational structure and management system*

The Company has contributed capital for the establishment of Mirae Asset Realty (Vietnam) Limited, a limited liability company with 02 members established and operated in accordance with the Investment Certificate No. 411022000515 issued by the Ho Chi Minh City People's Committee on 22 April 2010.

1. *Address: Saigon Trade Center Building, No. 37, Ton Duc Thang street, Ben Nghe ward, District 01, HCMC*
2. *Scope of business: real estate management service*
3. *Contributed capital and contribution ratio: the total capital has been contributed: VND 572,620,000 (equivalent to 14.99% charter capital of Mirae Asset Realty (Vietnam) Limited)*
4. *Định hướng phát triển/Development orientations*
- 4.1 *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/Main objectives of the Company*

- *Về mục tiêu kinh doanh: Với mong muốn đem đến cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất thông qua việc nâng cấp, hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ của Công ty.*

Business objectives: with the objective to provide the clients the best services by improvement and completion of all services of the Company.

- *Về phát triển con người: Công ty cũng chú trọng đến công tác tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên thực sự có năng lực, có đạo đức nghề nghiệp, nắm bắt và đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu của khách hàng. Vì thế, đội ngũ nhân viên Bộ phận Môi giới và Tư vấn đầu tư chứng khoán được Công ty đặc biệt quan tâm. Hiện tại, nhân viên làm việc tại Bộ phận này đều đã trang bị cho mình đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ cũng như có bề dày kinh nghiệm và thâm niên trong lĩnh vực này.*

Human resources development: The Company always pays attention to recruitment and training of managers and staff who have capacity and professional ethics, to understand and satisfy all requirements of the clients. Therefore, employees of Securities brokerage and investment consultancy are focused on. Now employees working at these divisions have sufficient qualifications and certificates as well as experience in such industry.

- *Về quản lý Công ty: Trong năm qua Công ty đã cập nhật cũng như chỉnh sửa nhiều quy trình nghiệp vụ chuyên môn, đồng thời cũng đang rà soát và sửa đổi quy trình liên quan đến quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tốt nhất các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc riêng của Tập đoàn và Công ty.*

Management of the Company: In a year the Company has updated and amended many professional rules, as well as reviewed and amended the risk management rules in order to ensure that the business activities of the Company comply with the laws and internal rules of the Group and the Company.

- Kể từ khi thành lập đến nay, thị trường chứng khoán Việt Nam luôn tạo ra sự hấp dẫn thông qua những cơn sóng lớn, nhỏ ở bất cứ giai đoạn phát triển nào của nền kinh tế. Đặc tính của chứng khoán Việt Nam là thị trường mới nổi, còn non trẻ và cần nhiều thời gian để hoàn thiện, phát triển. Do đó, tâm lý nhà đầu tư dễ bị lung lay và phải luôn đối mặt với các thách thức bán tháo khi nhà đầu tư mất niềm tin vào thị trường hoặc nền kinh tế. Điều này dẫn đến nguy cơ khó gia tăng số lượng nhà đầu tư ảnh hưởng đến lợi nhuận và định hướng phát triển dài hạn của Công ty.

From the establishment up to date, Vietnam stock market is always interesting due to the big and small waves in any period of economy. The features of Vietnam stock exchange are a new market and needs time to develop. Therefore, the psychology of the investors is not stable and face with the ability of selling stock quickly when they do not trust on the market or the economy. The increase of number of investors is difficult because of this issue.

- Điểm yếu của thị trường chứng khoán Việt Nam là tính minh bạch chưa cao, nguồn tin và báo cáo còn nhiều sai lệch, chưa kể nhà đầu tư trong nước cũng còn thiếu hiểu biết cũng như kinh nghiệm đầu tư. Ngoài ra, biên độ dao động lớn sẽ là yếu tố rủi ro rất cao cho những nhà đầu tư lạm dụng đòn bẩy tài chính. Đồng thời, những rủi ro về lãi suất tăng cao và lạm phát cũng tác động không nhỏ đến các quyết định mua, bán chứng khoán của nhà đầu tư. Chính điều này tạo tâm lý e ngại cho Công ty trong việc mở rộng các sản phẩm dịch vụ của Công ty.

The weakness of Vietnam stock market is the transparency is low, information and reports are not correct, the local investors do not understand and lack of investment experience, etc. In addition, the significant fluctuation in trading band shall be the high risk for investors who get advantage from financial tools. This is problem that the Company should consider in expanding of services.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM/YEARLY OPERATIONS

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh *Situation of production and business operations*

- 1.1 Năm 2019 là năm thị trường chứng khoán biến động mạnh mẽ. Nắm bắt cơ hội đó, trong năm 2019 Công ty đã nỗ lực trong hoạt động kinh doanh, trong đó đẩy mạnh cả hoạt động môi giới, ngân hàng đầu tư và tự doanh. Do đó, Công ty đã có lợi nhuận tốt trong năm 2019.

In 2019, the securities market has changed strongly. Catching up this opportunity, the Company has used the best effort in business operation, in which to improve the brokerage, investment banking and principal investment activities. The Company has significant profit in 2019.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation

- Năm 2019, Công ty đã có cải thiện đáng kể đối với vấn đề vận hành hệ thống và triển khai hoạt động ngân hàng đầu tư, môi giới cá nhân, thành lập thêm chi nhánh

Key qualifications:

- BA, major in Political Science & Diplomacy at Yonsei University
- Having many years of experience in banking/finance industry

Selected experience

Mr. Han Won Dong has been worked for Standard Chartered Bank before he becomes a member of Mirae Asset Financial group. Mr. Han has joined a lot of investment projects of Mirae Asset Financial group including real estate business. He is also the professional financial planning specialist of Mirae Asset securities company in Korea

iii) Ông Kang Moon Kyung – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc

Chuyên môn chính:

- Cử nhân kinh tế Tại Đại học Hàn Quốc
- Đã từng tham gia thành lập các pháp nhân tại Châu Mỹ của tập đoàn Mirae Asset

Kinh nghiệm nổi bật

Ông Kang Moon Kyung là Tổng giám đốc Công ty và hiện tại đang quản lý Bộ phận Kinh doanh Chứng khoán

Ông Kang Moon Kyung trước đây đã làm việc tại tập đoàn Mirae Asset - Bộ phận chiến lược và đầu tư nước ngoài tại Hàn Quốc. Bộ phận có chức thành lập, quản lý các pháp nhân của tập đoàn trên thế giới bao gồm Châu Âu và Châu Mỹ.

Ông Kang có kinh nghiệm sâu rộng trong việc tư vấn cho khách hàng về phát triển và thực hiện chiến lược cũng như thúc đẩy quy trình làm việc nhằm tăng hiệu quả hoạt động công ty.

Ông Kang Moon Kyung gia nhập Công ty từ những ngày đầu. Ông có kiến thức sâu rộng về hoạch định chiến lược, đầu tư chứng khoán. Ông cũng rất am hiểu về môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Mr Kang Moon Kyung – Member of MC/CEO

Key qualifications

- BA, major in Economic at Korean University
- Participating in setting up subsidiaries in America

Selected experience

Mr Kang Moon Kyung is Chief Executive Officer of the Company, and currently leading Securities Business Division.

Mr Kang Moon Kyung has worked for Mirae Asset Financial group – Global Strategy and Investment Division in Korea. Such division will establish, manage subsidiaries around the world including Europe and America.

His extensive professional experience includes advising clients in the development and implementation of strategies as well as simulation of working processes to verify operational readiness.

- Các chỉ tiêu khác/*other figures: N/A*

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*

Các chỉ tiêu/Benchmarks	2018	2019	Ghi chú/Note
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/<i>Solvency ratio</i></p> <p>Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio:</i></p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Assets/Short term Debt</i>)</p> <p>Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio:</i></p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u></p> <p><u>Nợ ngắn hạn</u></p> <p><i>Short-term Asset-Inventories</i></p> <p><i>Short-term Debt</i></p>	3	2.5	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/<i>capital structure ratio</i></p> <p>Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/total asset ratio</i>)</p> <p>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)</p>	31.74%	37.67%	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/<i>Operation capability Ratio</i></p> <p>Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover:</i></p> <p><u>Giá vốn hàng bán</u></p> <p>Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/Total Assets</i>)</p>	8.3%	9.6%	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/<i>Target on Profitability</i></p> <p>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/Net revenue ratio</i>)</p> <p>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/total capital ratio</i>)</p> <p>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/Total assets ratio</i>)</p> <p>Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/Net revenue ratio</i>)</p>	51.1%	35.55%	
	5.69%	4.33%	
	4.76%	2.96%	
	62.44%	44.91%	

5. Cơ cấu sở hữu, thay đổi vốn chủ sở hữu/*Ownership structure, change in the owner's equity*

a) Vốn góp/*Contribution capital: 2.000 tỷ/2,000bil VND*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skill development and continuous learning program to support worker's employment and career development: N/A*

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service*

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCK/*Green capital market activities under the guidance of the SSC: N/A*

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC/*REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT*

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results*

- Trong năm 2019, Công ty đã phát triển hoạt động tự doanh và đạt được lợi nhuận trên khoản đầu tư này. Đối với hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư, doanh số tăng so với năm trước.

In 2019, the Company has developed the principal investment and obtained the profit in this type of investment. In relation to brokerage and investment consultancy services, the revenue has increased in comparison with last year.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được: hệ thống đã vận hành ổn định, doanh số tăng trong năm mặc dù thị trường chứng khoán có nhiều biến động, phát triển kinh doanh một cách bền vững.

The Company's achievements: the system has operated smoothly, the revenue has increased in the year eventhough the securities market has fluctuation, the business has the sustainability development.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/*ASSESSMENT OF THE MEMBERS' COUNCIL ON THE COMPANY'S OPERATION*

Đánh giá của Hội đồng thành viên về các mặt hoạt động của Công ty/*Assessment of the Members' Council on the Company's operation*

Công ty đã hoạt động theo đúng chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng Thành viên và tuân thủ quy định hiện hành về chứng khoán.

The Company has operated in accordance with the policies, Resolutions of the Members' Council and complied with the current regulations on Securities business.

Đánh giá của Hội đồng thành viên về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty/*Assessment of the Members' Council on the Board of Director's performance*



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Nhà đầu tư Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 6 đến trang 57.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements*

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

73/UBCK-GP

ngày 18 tháng 12 năm 2007

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 68/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 11 năm 2019.

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Seol Kyung Suk
Ông Kang Moon Kyung
Ông Han Won Dong

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Youman Kim
Bà Dương Tuyết Mai

Trưởng ban
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Kang Moon Kyung

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien
3C Tôn Đức Thắng
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc 

Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		716.297.550.349	640.495.543.389
I Tài sản tài chính dài hạn	210		660.572.618.000	590.572.618.000
1 Các khoản đầu tư	212		660.572.618.000	590.572.618.000
1.1 Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	212.1	7(b)	660.000.000.000	590.000.000.000
1.2 Đầu tư dài hạn khác	212.4	7(e)	572.618.000	572.618.000
II Tài sản cố định	220		12.418.984.642	8.907.443.416
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.829.114.059	7.956.657.713
<i>Nguyên giá</i>	222		19.589.309.667	19.410.916.997
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223a		(12.760.195.608)	(11.454.259.284)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	5.589.870.583	950.785.703
<i>Nguyên giá</i>	228		15.336.063.519	9.296.422.561
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229a		(9.746.192.936)	(8.345.636.858)
III Xây dựng cơ bản dở dang	240	13	-	4.790.100.000
IV Tài sản dài hạn khác	250		43.305.947.707	36.225.381.973
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		6.223.184.321	5.014.731.921
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	18.852.815.251	16.018.472.393
3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	19	517.810.772	-
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	14(a)	7.690.764.818	5.190.764.818
5 Tài sản dài hạn khác	255	14(b)	10.021.372.545	10.001.412.841
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.845.812.011.073	6.747.458.825.151

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND	
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của Công ty	008	2.033.730.000	27.432.840.000
2	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty	009	1.660.000	1.660.000
3	TSTC chưa lưu ký tại VSD	012	464.127.680.000	20.116.080.000
4	TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	120.000	10.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng	021	12.468.594.465.137	6.775.059.700.000
	<i>a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>	<i>12.139.802.700.000</i>	<i>6.389.585.500.000</i>
	<i>b. TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>	<i>2.881.530.000</i>	<i>2.502.170.000</i>
	<i>c. TSTC giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>	<i>325.889.500.000</i>	<i>241.712.930.000</i>
	<i>d. TSTC chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>	<i>20.735.137</i>	<i>141.259.100.000</i>
2	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng	022	75.835.320.000	7.999.230.000
	<i>a. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>	<i>75.835.320.000</i>	<i>7.999.230.000</i>
3	TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư/khách hàng	025	8.238.270.000	5.985.910.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B02 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1		Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL 01	27.609.779.674	77.248.585.070
		<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	01.1	21(a)	17.459.813.432	73.093.627.484
		<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	01.2	21(b)	8.423.209.056	3.265.885.414
		<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	01.3	21(c)	1.726.757.186	889.072.172
1.2		Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn 02	170.059.907.497	137.694.713.393
1.3		Lãi từ các khoản cho vay và phải thu 03	572.839.011.354	210.919.551.254
1.4		Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) 04	37.489.082	1.594.550.000
	04.1	21(c)	37.489.082	1.594.550.000
1.5		Doanh thu môi giới chứng khoán 06	151.805.521.314	128.462.909.238
1.6		Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính 08	13.473.194.174	781.725.424
1.7		Doanh thu lưu ký chứng khoán 09	4.607.584.996	2.449.905.198
1.8		Thu nhập hoạt động khác 11	1.638.405.620	1.762.811.259
Cộng doanh thu hoạt động			942.070.893.711	560.914.750.836
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1		Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL 21	23.431.649.253	68.279.542.952
		<i>a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	21.1	21(a)	6.697.722.135	21.812.420.025
		<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	21.2	21(b)	16.733.927.118	46.467.122.927
2.2		Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay 24	205.401.410.358	68.724.185.931
2.3		Chi phí môi giới chứng khoán 27	203.778.315.002	124.038.985.648
2.4		Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư 29	-	9.754.000
2.5		Chi phí lưu ký chứng khoán 30	3.970.313.220	3.063.190.111
Cộng chi phí hoạt động			436.581.687.833	264.115.658.642
III DOANH THU TÀI CHÍNH				
3.1		Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện 41	12.480.400.000	22.284
3.2		Lãi tiền gửi không kỳ hạn 42	9.829.744	6.389.146
Cộng doanh thu hoạt động tài chính			12.490.229.744	6.411.430

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2019 VND	2018 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	457.081.558.199	251.925.518.152
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	164.882.141.870	33.504.607.757
Khấu hao và phân bổ	03	3.601.292.402	2.251.588.540
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(9.980.400.000)	2.425.000.000
Chi phí lãi	06	163.576.566.623	60.130.440.406
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(10.000.000)	-
Dự thu tiền lãi	08	7.694.682.845	(31.302.421.189)
3 Chi phí phi tiền tệ	10	16.733.927.118	46.467.122.927
Lỗ từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	16.733.927.118	46.467.122.927
4 Doanh thu phi tiền tệ	18	(8.423.209.056)	(3.265.885.414)
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(8.423.209.056)	(3.265.885.414)
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động	30	630.274.418.131	328.631.363.422
(30 = 01 + 02 + 10 + 18)			
Giảm các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	59.751.587.928	94.689.805.144
Giảm/(tăng) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	1.602.500.000.000	(1.694.500.000.000)
Tăng các khoản cho vay	33	(3.801.825.871.594)	(2.510.377.224.764)
Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34	(198.020.589.500)	(54.214.700.000)
Giảm phải thu từ bán tài sản tài chính	35	3.096.972.000	363.345.000
Giảm phải thu cổ tức và tiền lãi từ các TSTC	36	-	(2.962.747.800)
Tăng các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	(1.519.276.654)	(715.403.202)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39	1.522.243.570	(4.592.386.856)
Tăng các tài sản khác	40	(5.960.438.234)	(14.586.489.847)
Tăng chi phí phải trả	41	28.206.225.403	5.197.498.942
Tăng chi phí trả trước	42	(13.368.007.938)	(9.625.454.915)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	(85.813.888.266)	(37.653.050.450)
Tiền lãi đã trả	44	(116.430.695.457)	(43.045.750.194)
(Giảm)/tăng phải trả cho người bán	45	(1.129.095.000)	1.258.559.501
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	4.028.728.200	899.583.437
(Tăng)/giảm phải trả khác	51	1.720.385.948	(1.845.680.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(1.892.967.301.463)	(3.943.078.732.854)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

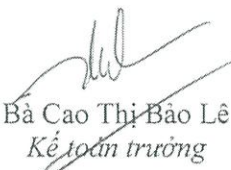
Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG


	Mã số	2019 VND	2018 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	49.594.915.878.924	31.559.241.901.663
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(35.873.065.327.130)	(34.024.373.927.210)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	16.498.414.745.878	10.747.132.442.881
Chi trả thanh toán giao dịch của khách hàng	08	(30.250.765.296.900)	(8.137.528.539.729)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	(30.499.999.228)	144.471.877.605
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	402.158.106.996	257.686.229.391
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	371.658.107.768	402.158.106.996
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	371.658.107.768	402.158.106.996
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	200.155.742.168	117.646.824.396
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	171.502.365.600	284.511.282.600

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập:


 Bà Cao Thị Bảo Lê
 Kế toán trưởng

Người soát xét:


 Bà Trần Thị Thanh Thủy
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


 Ông Kang Moon Kyung
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 68/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 11 năm 2019 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có các chi nhánh như sau:

- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 444/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 5 năm 2017.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 43/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 1 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 941/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 10 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1080/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 12 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Thăng Long theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1081/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 12 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Sài Gòn theo Quyết định số 225/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 3 năm 2019.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Cần Thơ theo Quyết định số 314/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 5 năm 2019.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã góp của Công ty là 5.455,5 tỷ VND (1/1/2019: 4.300 tỷ VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cho vay ký quỹ và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(f);
- Các TSTC sẵn sàng để bán: xem Thuyết minh 3(g).

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Đối với các chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các TSTC chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”), giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi 3 công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Đối với chứng chỉ quỹ thành viên và quỹ mở được đánh giá theo giá trị tài sản ròng trên một (1) đơn vị chứng chỉ quỹ trước ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá trị tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng đáng kể đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi Công ty thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(f) Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản cho vay và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay và ứng trước tương ứng.



(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ phương tiện vận chuyển | 4 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 4 - 5 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Thẻ thành viên câu lạc bộ golf

Thẻ thành viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống, công cụ và dụng cụ. Chi phí sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm. Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(n) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(o) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế sau khi cần trừ với lỗ lũy kế từ các năm trước trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(p) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư tài chính

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành công việc tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các tài sản tài chính bị tổn thất là các khoản cho vay giao dịch ký quỹ bị quá hạn từ 3 năm trở lên với tổng giá trị là 5.858.102.914 VND (1/1/2019: 5.858.102.914 VND).

Các tài sản tài chính bị quá hạn và bị tổn thất không có tài sản đảm bảo.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	2.809.435.000.000	2.923.077.118.896	2.923.077.118.896
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	647.000.000.000	694.965.726.027	694.965.726.027
Phải trả người bán	650.085.000	650.085.000	650.085.000
Chi phí phải trả	112.492.730.102	112.492.730.102	112.492.730.102
Các khoản phải trả khác	2.088.887.608	2.088.887.608	2.088.887.608
Trái phiếu phát hành dài hạn	105.000.000.000	108.060.821.918	108.060.821.918
Dự phòng phải trả dài hạn	35.376.242	35.376.242	35.376.242
	3.676.702.078.952	3.841.370.745.793	3.841.370.745.793

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Vay ngắn hạn	1.798.360.000.000	1.816.533.220.179	1.816.533.220.179	-
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	220.000.000.000	230.150.958.904	230.150.958.904	-
Phải trả người bán	1.779.180.000	1.779.180.000	1.779.180.000	-
Chi phí phải trả	37.140.633.533	37.140.633.533	37.140.633.533	-
Các khoản phải trả khác	389.410.752	389.410.752	389.410.752	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	50.000.000.000	52.802.876.712	-	52.802.876.712
Dự phòng phải trả dài hạn	35.376.242	35.376.242	35.376.242	-
	2.105.890.044.285	2.137.017.100.080	2.084.214.223.368	52.802.876.712

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	843.700.838.750	80.426.807.541
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	550.000.000.000	2.222.500.000.000
Các khoản cho vay – thuần	7.378.863.364.224	3.577.037.492.630
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	660.000.000.000	590.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ	17.712.137.363	15.192.177.659
Vay ngắn hạn	(2.809.435.000.000)	(1.798.360.000.000)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	(647.000.000.000)	(220.000.000.000)
Trái phiếu phát hành dài hạn	(105.000.000.000)	(50.000.000.000)

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư niêm yết của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản đầu tư niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Việt Nam. Ước tính tốt nhất đối với ảnh hưởng đến TSTC và lợi nhuận sau thuế khi có sự thay đổi về chỉ số giá chứng khoán, với tất cả các biến số khác không thay đổi như sau:

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 1/1/2019	
	Thay đổi chỉ số	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế	Thay đổi chỉ số	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế
	%	VND	%	VND
Chỉ số thị trường				
VN Index - Tăng	8	166.114.052	9	5.087.364.339
VN Index - Giảm	(8)	(166.114.052)	(9)	(5.087.364.339)

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết của Công ty, sẵn sàng để bán và các khoản đầu tư khác chủ yếu liên quan đến đầu tư vào chứng khoán vốn tư nhân tại Việt Nam.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn	2.809.435.000.000	(*)	1.798.360.000.000	(*)
▪ Trái phiếu phát hành ngắn hạn	647.000.000.000	(*)	220.000.000.000	(*)
▪ Phải trả người bán	650.085.000	(*)	1.779.180.000	(*)
▪ Chi phí phải trả	112.492.730.102	(*)	37.140.633.533	(*)
▪ Các khoản phải trả khác	2.088.887.608	(*)	389.410.752	(*)
▪ Trái phiếu phát hành dài hạn	105.000.000.000	(*)	50.000.000.000	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết				
VIC	9.900.863	10.005.000	2.027.747	2.382.500
VJC	3.155.154	3.216.400	1.271.699	1.200.000
VHM	3.385.091	3.137.600	-	-
RCL	8.058.600	2.722.500	8.058.600	4.290.000
VCB	2.436.659	2.615.800	7.816.682.067	7.759.212.000
VNM	2.609.156	2.563.000	7.071.524.995	12.888.480.000
VRE	2.481.968	2.516.000	-	-
STB	2.289.868	2.241.150	2.665.097	2.593.150
HPG	1.537.327	1.621.500	3.550.928.845	3.703.415.100
ACV	-	-	1.914.220.952	2.088.000.000
BVH	1.581.527	1.509.200	3.056.239.246	3.770.218.000
DXG	1.085.127	1.087.500	3.642.337.985	3.451.928.200
GMD	58.595	46.600	4.263.430.790	3.805.400.300
MSN	-	-	1.643.785.714	1.550.000.000
POW	-	-	25.138.628.456	27.440.000.000
PPC	36.879	53.800	2.212.752.865	2.172.036.200
QNS	-	-	2.029.980.000	1.994.440.000
Khác	46.806.819	32.062.628	39.843.436	24.109.218
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Khác	133.380	133.380	133.380	133.380
Chứng chỉ quỹ				
FUESSV50	2.557.366.933	2.530.000.000	-	-
	2.642.923.946	2.595.532.058	62.394.511.874	70.657.838.048

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(d) TSTC sẵn sàng để bán

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam (i)	10.516.976.315	15.827.323.500	10.516.976.315	15.848.204.000
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (ii)	54.214.700.000	59.636.170.000	54.214.700.000	54.214.700.000
Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam (iii)	200.000.000.000	192.620.000.000	-	-
	264.731.676.315	268.083.493.500	64.731.676.315	70.062.904.000

- (i) Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam ("SMV") là một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Kinh doanh số 2300323118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 19 tháng 2 năm 2008. Các hoạt động chính của công ty này bao gồm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty sở hữu 2,87% vốn chủ sở hữu của SMV (1/1/2019: 2,87%).
- (ii) Công ty Cổ phần Tôn Đông Á Việt Nam ("TDA") là một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Kinh doanh số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009. Các hoạt động chính của công ty này bao gồm sản xuất thép cán nguội, tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu phục vụ cho ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty sở hữu 1,80% vốn chủ sở hữu của TDA (1/1/2019: 1,80%).
- (iii) Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam ("MAGEF") là một quỹ mở được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 39/GCN-UBCK ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Quỹ này được quản lý bởi Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam), một bên liên quan của Công ty. Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập của các khoản đầu tư. Quỹ mới chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng lần đầu vào ngày 21 tháng 5 năm 2019. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty sở hữu 44% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ này (1/1/2019: không có).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Học phí cho con của nhân viên người nước ngoài	1.446.830.000	237.727.272
Chi phí trả trước cho thuê hoạt động	1.697.221.659	242.673.460
Chi phí bảo lãnh cho các khoản đi vay	11.470.679.865	3.812.041.712
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	1.777.167.566	1.565.791.566
	<hr/>	<hr/>
	16.391.899.090	5.858.234.010
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống	12.065.700.314	9.930.423.040
Phí thành viên câu lạc bộ golf	894.030.552	925.217.593
Công cụ và dụng cụ	5.176.671.849	5.162.831.760
Phí internet	716.412.536	-
	<hr/>	<hr/>
	18.852.815.251	16.018.472.393
	<hr/>	<hr/>

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	16.018.472.393	11.032.061.370
Tăng trong năm	13.314.155.478	9.436.163.763
Phân bổ trong năm	(10.479.812.620)	(4.449.752.740)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	18.852.815.251	16.018.472.393
	<hr/>	<hr/>

11. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2018	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	894.800.000	14.580.889.597	15.475.689.597
Tăng trong năm	1.298.900.000	2.636.327.400	3.935.227.400
Số dư cuối năm	2.193.700.000	17.217.216.997	19.410.916.997
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	894.800.000	8.621.278.392	9.516.078.392
Khấu hao trong năm	216.483.338	1.721.697.554	1.938.180.892
Số dư cuối năm	1.111.283.338	10.342.975.946	11.454.259.284
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	5.959.611.205	5.959.611.205
Số dư cuối năm	1.082.416.662	6.874.241.051	7.956.657.713

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 8.472.728.354 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2019: 8.647.350.478 VND).

14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh

(a) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	5.190.764.818	2.840.306.590
Tiền nộp thêm trong năm	2.244.400.607	2.187.964.962
Tiền lãi nhận được trong năm	255.599.393	162.493.266
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	7.690.764.818	5.190.764.818

(b) Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về quy chế quản lý, sử dụng quỹ bù trừ cho các hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp bằng tiền tối thiểu là 80% trên tổng giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ. Mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ chung.

Biến động tiền nộp Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	10.001.412.841	-
Tiền nộp thêm trong năm	-	10.000.000.000
Tiền lãi nhận được trong năm	19.959.704	1.412.841
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.021.372.545	10.001.412.841

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản vay có lãi suất năm dao động từ 3,33% đến 8,50% (1/1/2019: từ 2,14% đến 4,90%). Các khoản vay này được bảo lãnh bởi công ty mẹ là Mirae Asset Securities (HK) Limited và một công ty liên quan là Công ty Mirae Asset Securities (UK) Limited và được đảm bảo bởi tiền gửi tại chính các ngân hàng cho vay với giá trị ghi sổ là 465 tỷ VND (1/1/2019: 1.080 tỷ VND) (Thuyết minh 7(b)).

16. Trái phiếu phát hành ngắn hạn và dài hạn

	Số dư tại ngày 1/1/2019 VND	Phát sinh trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư tại ngày 31/12/2019 VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (i)	220.000.000.000	647.000.000.000	(220.000.000.000)	647.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn (ii)	50.000.000.000	105.000.000.000	(50.000.000.000)	105.000.000.000
	270.000.000.000	752.000.000.000	(270.000.000.000)	752.000.000.000

(i) Theo Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ ngày 14 tháng 2 năm 2019 và ngày 25 tháng 4 năm 2019, Công ty đã phát hành 647 tỷ VND trái phiếu doanh nghiệp, mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, không niêm yết, lãi suất 8,00%/năm, không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn một năm, thanh toán gốc và lãi một lần khi đáo hạn.

(ii) Theo Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ ngày 5 tháng 8 năm 2019, Công ty đã phát hành 105 tỷ VND trái phiếu doanh nghiệp, mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, không niêm yết, lãi suất 8,00%/năm, không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn hai năm, thanh toán gốc và lãi một lần khi đáo hạn hoặc theo yêu cầu của trái chủ.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí lương tháng 13 và thưởng	30.700.000.000	13.500.000.000
Chi phí lãi	64.997.230.525	17.851.359.359
Chi phí môi giới chứng khoán	6.753.851.091	2.170.283.993
Chi phí đi lại	4.497.704.080	-
Chi phí giao dịch chứng khoán	4.029.548.043	1.420.497.113
Chi phí tư vấn	354.512.000	581.745.201
Các chi phí khác	1.159.884.363	1.616.747.867
	112.492.730.102	37.140.633.533

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Chênh lệch giảm do dự phòng và đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL và đầu tư sẵn sàng để bán	517.810.772	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL và đầu tư sẵn sàng để bán	-	(11.275.319.320)
Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại thuần	517.810.772	(11.275.319.320)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu hoạt động kinh doanh

(a) Lãi/(lỗ) từ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL

2019	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL						
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>						
VNM	5.789.050	34.381	199.032.448.080	189.097.566.547	16.329.806.996	(6.394.925.463)
VCB	108.410	131.935	14.303.093.000	7.194.181.619	7.108.911.381	-
SAB	107.850	114.660	12.366.064.000	10.961.003.608	1.405.060.392	-
PLX	23.600	273.295	6.449.763.000	5.521.902.000	927.861.000	-
VRE	105.150	66.331	6.974.670.000	6.031.368.000	943.302.000	-
BVH	448.730	34.442	15.454.977.920	14.788.871.567	791.741.441	(125.635.088)
POW	113.680	79.996	9.093.909.760	9.146.685.719	-	(52.775.959)
DXG	1.715.680	16.201	27.795.082.000	25.147.400.456	2.647.681.544	-
VJC	252.920	18.508	4.681.058.000	6.181.437.338	-	(1.500.379.338)
HPG	40.380	111.636	4.507.858.000	4.936.511.105	601.889	(429.254.994)
SBT	307.060	28.173	8.650.731.500	9.070.333.733	55.159.712	(474.761.945)
HCM	350.410	16.984	5.951.451.500	6.558.684.099	17.008	(607.249.607)
VIC	197.840	23.143	4.578.541.500	5.350.426.053	49.592	(771.934.145)
ROS	1.120	115.300	129.136.000	127.459.384	1.676.616	-
CTD	330	24.350	8.035.500	9.395.417	-	(1.359.917)
STB	1.050	117.895	123.790.000	125.197.887	-	(1.407.887)
VHM	2.620	10.100	26.462.000	26.903.379	-	(441.379)
HBC	160.370	78.950	12.661.250.000	13.043.616.609	147.700.926	(530.067.535)
Khác	230	11.000	2.530.000	2.805.882	-	(275.882)
	1.851.620	35.252	65.274.044.400	64.873.382.692	2.300.043.495	(1.899.381.787)
Trái phiếu niêm yết	1.590.000	105.192	167.255.030.000	166.481.300.000	773.730.000	-
Chứng chỉ quỹ	400.000	13.124	5.249.455.300	5.356.013.536	7.376.436	(113.934.672)
Lãi/(lỗ) vị thế của hợp đồng chứng khoán phái sinh	-	-	-	-	348.900.000	(188.862.000)
	7.779.050	47.761	371.536.933.380	360.934.880.083	17.459.813.432	(6.697.722.135)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/4/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS

	31/12/2019			1/1/2018		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2019 VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 1/1/2018 VND
TSTC ghi nhận theo FVTPL	2.642.923.946	2.595.532.058	(47.391.888)	264.731.676.315	268.083.493.500	3.351.817.185
Cổ phiếu niêm yết	85.423.633	65.398.678	(20.024.955)			
Chứng chỉ quỹ	2.557.366.933	2.530.000.000	(27.366.933)			
Khác	133.380	133.380	-			
Bao gồm:						
- Lãi từ đánh giá lại						8.423.209.056
- Lỗ từ đánh giá lại						(16.733.927.118)
Đầu tư sẵn sàng để bán	264.731.676.315	268.083.493.500	3.351.817.185	264.731.676.315	268.083.493.500	3.351.817.185
						5.331.227.685
TSTC ghi nhận theo FVTPL	62.394.511.874	70.657.838.048	8.263.326.174	62.394.511.874	70.657.838.048	8.263.326.174
Cổ phiếu niêm yết	62.394.511.874	70.657.838.048	8.263.326.174	62.394.511.874	70.657.838.048	8.263.326.174
Bao gồm:						
- Lãi từ đánh giá lại						3.265.885.414
- Lỗ từ đánh giá lại						(46.467.122.927)
Đầu tư sẵn sàng để bán	64.731.676.315	70.062.904.000	5.331.227.685	64.731.676.315	70.062.904.000	5.331.227.685
						(1.979.410.500)
						(43.201.237.513)
						(43.201.237.513)
						3.265.885.414
						(46.467.122.927)
						-

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí môi giới chứng khoán

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lương	68.884.481.503	36.996.619.699
Chi phí hoa hồng	50.076.107.324	37.708.930.707
Chi phí môi giới	28.833.361.435	24.106.685.865
Chi phí thuê	15.625.295.275	7.726.558.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.759.636.607	5.017.156.016
Nội thất văn phòng	6.195.929.853	1.693.841.354
Máy tính và các chi phí liên quan	5.332.117.695	2.958.919.083
Phí chứng khoán phái sinh	4.152.031.591	-
Khấu hao tài sản cố định	2.672.969.221	1.474.617.345
Chi phí giao tế	2.412.469.896	1.596.061.312
Chi phí công tác	1.586.332.801	797.813.089
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	1.222.783.386	2.110.176.030
Chi phí khác	2.024.798.415	1.851.606.753
	203.778.315.002	124.038.985.648

24. Doanh thu tài chính

	2019 VND	2018 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	9.980.400.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.500.000.000	22.284
Lãi tiền gửi không kì hạn	9.829.744	6.389.146
	12.490.229.744	6.411.430

25. Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	2.425.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	960.000.000	3.155.798.394
	960.000.000	5.580.798.394

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	457.081.558.199	251.925.518.152
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	91.416.311.640	50.385.103.630
Thu nhập không bị tính thuế	(345.351.437)	(830.991.517)
Thay đổi trong chênh lệch tạm thời	(12.010.893.733)	2.845.443.659
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	115.994.728
	79.060.066.470	52.515.550.500

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

29. Các cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng một năm	11.392.131.468	16.519.840.936
Từ hai đến năm năm	25.523.078.046	28.278.764.800
	<hr/>	<hr/>
	36.915.209.514	44.798.605.736



30. Số liệu so sánh


Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

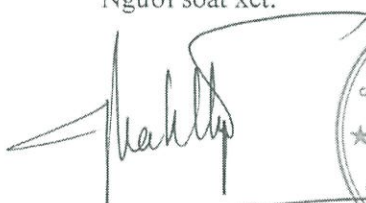
Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:


Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng


Bà Trần Thị Thanh Thủy
Giám đốc Tài chính


Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



KANG MOON KYUNG
TỔNG GIÁM ĐỐC/CEO

